

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐST - DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim K

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé B (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: 1/ Bà Phạm Thị A (có mặt)

2/ Bà Dương Thị D (có mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Th (có mặt)

Cùng trú tại: ấp T, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hội L xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật của Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang: Bà Phạm Thị Út B - Chủ tịch hội (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có gởi tiền cho nhóm phụ nữ địa phương gồm bà Phạm Thị A, Dương Thị D, Nguyễn Thị Th các lần như sau:

+ Ngày 04/01/2020 gởi 100.000.000 đồng. Đến ngày 26/01/2021 nguyên đơn rút lại 50.000.000 đồng (lãi suất 2,5%/tháng), số tiền này bà Dương Thị D nhận.

+ Ngày 04/01/2020 gởi 65.000.000 đồng (lãi suất 2,5%/tháng); Ngày 04/01/2020 gởi 6.000.000 đồng (lãi suất 2%/tháng); Ngày 22/01/2020 gởi 4.000.000 đồng (lãi suất 2%/tháng); Ngày 22/02/2020 gởi 2.000.000 đồng (lãi suất 2%/tháng) tổng cộng là 77.000.000 đồng, khoản tiền này do 03 bị đơn nhận.

Từ ngày vay đến nay, bị đơn không trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu bà A, bà D, bà Th trả cho nguyên đơn 77.000.000 đồng, mỗi người trả 25.667.000 đồng và lãi phát sinh vì đây là số tiền 03 bị đơn nhận. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới trả 77.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Riêng bà D trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng và lãi phát sinh vì số tiền này cá nhân bà D là người nhận.

+ Tiền lãi của số tiền 77.000.000 đồng, nguyên đơn tính tiền lãi từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2022 theo quy định của pháp luật là 20%/năm, làm tròn 30.800.000 đồng. Tiền lãi này bà A, bà D, bà Th phải trả cho nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định trong thời gian 02 năm từ tháng 02/2020 đến tháng 02/2022.

+ Đối với số tiền đưa cho bà D ngày 04/01/2020 gởi 100.000.000 đồng. Đến ngày 26/01/2021 nguyên đơn rút lại 50.000.000 đồng, tính lãi như sau:

Tiền lãi của số tiền 50.000.00 đồng tính từ tháng 01/2020 đến tháng 4/2022 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định trong thời gian 02 năm từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2022.

Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 26/01/2021 theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai của bị đơn bà Phạm Thị A trình bày: Nhóm phụ nữ tiết kiệm ấp T, xã Đ do bà làm trưởng nhóm, bà Dương Thị D làm nhóm phó, bà Nguyễn Thị Th làm thư ký. Có nhận số tiền gốc và thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Trong số 127.000.000 đồng thì bà A, bà Dương Thị D, bà Nguyễn Thị Th có

trách nhiệm trả cho nguyên đơn 77.000.000 đồng, bà D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, tiền lãi xin không trả. Tại phiên tòa bà A xin giảm lãi suất tính cho bà 0,1%/tháng.

Tại các lời khai của bị đơn bà Dương Thị D trình bày:

Nhóm phụ nữ tiết kiệm ấp T, xã Đ do bà A làm trưởng nhóm, bà D làm nhóm phó, bà Nguyễn Thị Th làm thư ký. Có nhận số tiền gốc và thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Trong số 127.000.000 đồng thì bà D, bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 77.000.000 đồng, bà D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, tiền lãi xin không trả. Tại phiên tòa bà D xin giảm lãi suất tính cho bà 0,1%/tháng.

Tại các lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Nhóm phụ nữ tiết kiệm ấp T, xã Đ do bà A làm trưởng nhóm, bà D làm nhóm phó, bà Th làm thư ký. Có nhận số tiền gốc và thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Trong số 127.000.000 đồng thì bà Phạm Thị A, bà Dương Thị D và bà Th có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 77.000.000 đồng, bà Dương Thị D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, tiền lãi xin không trả. Tại phiên tòa bà Th không đồng ý cùng với bà D, bà A trả cho nguyên đơn 77.000.000 đồng vì cho rằng không có nhận số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại văn bản số 03/CV-HPN ngày 20/4/2022 của Hội L xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang trình bày: Việc thành lập Ban quản lý nhóm phụ nữ tiết kiệm (nhóm 1) ấp T, xã Đ trên cơ sở biểu quyết của tất cả hội viên tham gia nhóm. Việc Ban quản lý nhóm phụ nữ tiết kiệm (nhóm 1) ấp T vay và nhận tiền của những người gởi vào Ban quản lý (theo hình thức gởi ngoài sổ tiết kiệm hàng tuần) là không đúng theo hướng dẫn của Hội liên hiệp phụ nữ xã và mục đích khi thành lập nhóm. Dẫn đến đã nợ các hộ dân với lãi suất cao hơn lãi suất gởi vào nhóm và quy định của nhà nước. Đề nghị Tòa án huyện Châu Thành giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi suất, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có nhận số tiền gốc như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Th không đồng ý cùng bà D, bà A trả tiền gốc 77.000.000 đồng và lãi phát sinh vì cho rằng không có nhận số tiền này. Căn cứ vào bản tự khai ngày 15/4/2022 của bà Th khai rằng “*Ban quản lý nhóm có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị Kim K là 77.000.000 đồng. Ban quản lý nhóm hứa sẽ trả phần vốn cho bà K còn phần lãi Ban quản lý xin giảm hết..*”. Lời thừa nhận của bà Th phù hợp lời khai của bà A, bà D là số tiền này do 03 bị đơn nhận thì 03 bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn. Vì vậy lời khai của bà Th tại phiên tòa là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Nguyên đơn khởi kiện đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền và thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đồng ý trả số nợ gốc nhưng xin giảm lãi suất 0,1%/tháng. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu giảm lãi của bị đơn, đề nghị tính lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn thừa nhận có thỏa thuận vay tiền và thỏa thuận trả lãi suất. Nay bị đơn yêu cầu tính lãi 0,1/tháng là không có căn cứ. Có vay thì phải có trả, trả đúng và trả đủ mới phù hợp quy định của pháp luật lẫn đạo lý. Nên yêu cầu giảm lãi của bị đơn không được chấp nhận.

[4] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... ”*”. Đối với tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc 77.000.000 đồng được tính từ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ tháng 02/2020 đến ngày tháng 6/2022 là 02 năm 04 tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn bỏ một phần thời gian tính lãi cho bị đơn, chỉ tính lãi suất vi phạm trong 02 năm, đây là sự tự định đoạt của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi bị đơn phải trả là 77.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm = 30.800.000 đồng. Tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 107.800.000 đồng.

[5] Đối với số tiền đưa cho bà ngày 04/01/2020 gửi 100.000.000 đồng. Đến ngày 26/01/2021 nguyên đơn rút lại 50.000.000 đồng, tính lãi như sau:

Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính từ tháng 01/2020 đến tháng 4/2022

theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định trong thời gian 02 năm từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2022 với lãi suất 20.000.000 đồng là có lợi cho bà D.

Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày 26/01/2021 theo quy định của pháp luật là 20%/năm, làm tròn 10.000.000 đồng.

Buộc bà D trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là 80.000.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là 107.800.000 đồng x 5% = 5.390.000 đồng.

Bà Dương Thị D phải chịu phần án phí có giá ngạch là 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim K.

Buộc bà Phạm Thị A, bà Dương Thị D, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Kim K 107.800.000 đồng (nợ gốc 77.000.000 đồng, nợ lãi 30.800.000 đồng).

Buộc bà Dương Thị D phải trả cho bà Nguyễn Kim K 80.000.000 đồng (nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 30.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị A, bà Dương Thị D, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 5.390.000 đồng (*năm triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng*).

Bà Dương Thị D, phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Kim K 5.416.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0010223 ngày 23/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh